

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI NĂM 2025

I. Thông tin chung

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội có trụ sở chính tại số 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chất lượng cao trực thuộc UBND thành phố Hà Nội. Năm học 2025 - 2026, nhà trường thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp, cụ thể như sau

II. Tuyển sinh đào tạo Đại học chính quy

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển, thời gian đào tạo, học phí và văn bằng tốt nghiệp

TT	Trình độ đào tạo	Thời gian	Văn bằng tốt nghiệp	Hình thức, đối tượng tuyển sinh	Học phí, học bổng
1	Trung cấp	Tối đa 02 năm	Trung cấp	Xét tuyển THCS, THPT	
2	THPT + Cao đẳng	04 năm	THPT, Trung cấp, Cao đẳng	Xét tuyển THCS	- Học phí theo quy định của nhà nước và áp dụng giảm 70% học phí 08 nghề: Công nghệ Ô tô; Công nghệ Hàn; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Cắt gọt kim loại; Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật chế biến món ăn;
3	Cao đẳng	Tối đa 03 năm	Cao đẳng (Kỹ sư thực hành)	Xét tuyển, tốt nghiệp THPT	- Miễn 100% học phí: Trung cấp song bằng đầu vào THCS;
	Liên thông	01 năm		Có bằng THPT và Trung cấp trở lên	- Sinh viên được tiếp nhận học bổng hợp tác quốc tế, hợp tác doanh nghiệp;
4	Liên thông Đại học trong nước hoặc quốc tế	02 năm	Bằng Kỹ sư, Cử nhân quốc tế	Xét tuyển	Theo quy định

2. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh

Ngành, nghề	Chỉ tiêu	Ngành, nghề	Chỉ tiêu
1. Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	200	15. Tự động hoá công nghiệp	75
2. Công nghệ kỹ thuật cơ khí*	150	16. Du lịch lữ hành	50
3. Công nghệ ô tô (CLC)*	450	17. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	25
4. Công nghệ Hàn*	30	18. Kế toán doanh nghiệp	55
5. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (định hướng công nghệ bán dẫn)*	60	19. Kỹ thuật chế biến món ăn*	100
6. Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà	50	20. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (CLC)*	95
7. Cơ điện tử (CLC)	100	21. Kỹ thuật lập trình, gia công trên máy CNC	25
8. Kỹ thuật chăm sóc tóc	25	22. Lập trình máy tính	25
9. Chăm sóc sắc đẹp	25	23. Thiết kế đồ họa	145
10. Vẽ móng nghệ thuật	25	24. Truyền thông và mạng máy tính	50
11. Chăm sóc da	25	25. Tiếng Trung Quốc	50
12. Cắt gọt kim loại*	40	26. Tiếng Hàn Quốc	50
13. Điện công nghiệp (CLC)*	195	27. Tiếng Nhật	50
14. Điện tử công nghiệp	50		

3. Thông tin khác